**BÀI 18:CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG**

**ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CỦA SINH VẬT**

**I. THỔ NHƯỠNG**

- Khái niệm về thổ nhưỡng: là lớp vật chất tơi xốp trên bề mặt lục địa, đặc trưng bởi độ phì.

- Khái niệm về độ phì: khả năng cung cấp nước, khí, nhiệt và các chất dinh dưỡng

- Vai trò của lớp phủ thổ nhưỡng đối với sản xuất đời sống.

+ Là nơi con người tiến hành mọi hoạt động sản xuất và sinh sống

+ Cơ sở không thể thiếu được của sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp.

**II. SINH QUYỂN**

- Khái niệm: Sinh quyển là một quyển của Trái Đất, trong đó có …………………

sinh sống.

- Chiều dày của sinh quyển

+ Giới hạn phía trên: là nơi tiếp giáp …………….(……….km)

+ Giới hạn phía dưới: xuống tận ………………..(………….km)

Sinh vật tập trung ở: ………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………

- Giới hạn của sinh quyển bao gồm toàn bộ……………………………., phần thấp của…………………………………………………………………………………..

**III. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CỦA SINH VẬT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các nhân tố ảnh hưởng****lân tố ảnh hưởng** | **Đặc điểm sinh vật** | **Nơi phân bố** |
| Khíhậu | Nhiệt độ | Loài ưa nhiệt | ………………………… |
| Loài chịu lạnh | …………………, ………. |
| Nước và độ ẩm | Sinh vật phát triển | Xích đạo, nhiệt đới ẩm, cận nhiệt ẩm, ôn đới ấm và ẩm |
| Sinh vật thưa thớt | Hoang mạc |
| Ánh sáng | Cây ưa sáng | Có đầy đủ ánh sáng |
| Cây chịu bóng |  dưới tán cây khác |
| Đất | Đất ngập mặn | Cây ưa mặn | Bãi ngập triều  |
| Đỏ vàng | Nhiều cây lá rộng | ………………………………… |
| Địahình | Độ cao | Thực vật phân bố theo các vành đai |  Lên cao |
| Hướng sườn | Nhiệt và ẩm khác nhau -> thực vật ở các hướng sườn cũng khác nhau |  Độ cao xuất hiện và kết thúc của các vành đai thực vật cũng khác nhau |
| Sinhvật | Động vật | - Thức ăn là nhân tô' sinh học quyết định sự phát triển và…………của động vật | - Động vật ăn thực vật và động vật ăn thịt cùng ………………………………………………. |
| Thực vật | - Động vật có quan hệ vớithực vật về……………. và nguồn thức ăn | - Nơi nào thực vật phong phúThì………………………… và………………………….. |
| Conngười | Tích cực | Thay đổi nơi phân bô' của các cây trồng vật nuôi | Từ Châu Lục này được đưa sang Châu Lục khác. |
| Trồng rừng | ………………diện tích rừng |
| Tiêu cực | Phá rừng | …………….diện tích rừng Làm………………………và tuyệt chủng nhiều loài động thực vật |
| Có ích cho con người nhưng ảnh hưởng tiêu cực đến động thực vật | “Cách mạng xanh” |  Tuyệt chủng một sô'………….………………………………… |

**Câu hỏi và bài tập:**

1. Nhiệt độ giảm và lượng mưa thay đổi theo độ cao đã tạo nên các vành đai thực vật nào ở núi Kilimanjaro ? (Hình 18 SGK).

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

2. Hãy tìm một số ví dụ chứng tỏ thực vật ảnh hưởng tới sự phân bố động vật.

(ở vùng thảo nguyên xavan, phát triển các loài động vật ăn cỏ và động vật ăn thịt ở rừng nhiệt đới ẩm hay rừng xích đạo, phổ biến các loài sống trên cây).

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

3. Các nhân tố tự nhiên ảnh như thế nào tới sự phát triểnvà phân bố của sinh vật?

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

4. Nối ý ở cột A và B sao cho hợp lí:

|  |  |
| --- | --- |
| Nhân tố (A) | Vai trò (B) |
| 1. Khí hậu2. Con người3 Địa hình4. Đất. | a. Ảnh hưởng trực tiếp thông qua: nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa, ánh sángb. Mở rộng hoặc thu hẹp phạm vi phân bố của sinh vậtc. Ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự quang hợp của thực vật d. Ảnh hưởng hoạt động sống, phát triển và phân bố của thực vật e. Tạo nên sự phân bố thực vật theo vĩ độ f. Hình thành vành đai sinh vật thay đổi theo độ cao |

Câu 5. Giới hạn phía trên của sinh quyển là

A. giáp đỉnh tầng đối lưu (8-16km).

B. giáp tầng ô-dôn của khí quyển (22km).

C. giáp đỉnh tầng bình lưu (50km).

D. giáp đỉnh tầng giữa (80km).

Câu 6. Giới hạn dưới của sinh quyển là

A. đáy đại dương và đáy của lớp vỏ phong hoá.

B. độ sâu 11km đáy đại dương.

C. giới hạn dưới của lớp vỏ Trái đất .

D. giới hạn dưới của vỏ lục địa.

Câu 7. Giới hạn của sinh quyển bao gồm

A. phần trên thủy quyển, phần thấp của khí quyển và lớp phủ thổ nhưỡng.

B. toàn bộ thủy quyển và khí quyển, lớp phủ thổ nhưỡng, lớp vỏ phong hoá và phần trên của đá gốc.

C. phần trên thủy quyển và toàn bộ khí quyển, lớp phủ thổ nhưỡng, lớp vỏ phong hoá và phần trên của đá gốc.

D. toàn bộ thủy quyển, phần thấp của khí quyển, lớp phủ thổ nhưỡng và lớp vỏ phong hoá.

Câu 8. Ở lục địa, giới hạn phía dưới của sinh quyển xuống tới đáy của

A. lớp phủ thổ nhưỡng.

B. lớp vỏ phong hoá.

C. lớp dưới của đá gốc.

D. lớp vỏ lục địa.

Câu 9. Nhân tố nào quyết định sự phát triển và phân bố sinh vật?

A. Địa hình.

B. Khí hậu.

C. Con người.

D. Đất.

Câu 10. Giới hạn của sinh quyển bao gồm toàn bộ các địa quyển nào sau đây?

A. Khí quyển và thủy quyển.

B. Thủy quyển và thạch quyển.

C. Thủy quyển và thổ nhưởng quyển.

D. Thạch quyển và thổ nhưởng quyển.

Câu 11. Loài cây ưa nhiệt thường phân bố ở vùng

A. ôn đới, nhiệt đới.

B. nhiệt đới, cận nhiệt.

C. nhiệt đới, xích đạo.

D. cận nhiệt, ôn đới.

Câu 12. Yếu tố nào của khí hậu quyết định sự sống của sinh vật?

A. Nhiệt độ.

B. Nước và độ ẩm không khí.

C. Nước.

D. Ánh sáng.

Câu 13. Khí hậu ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố sinh vật thông qua các yêu tố

A. nhiệt độ, ánh sáng, nước, đất.

B. nhiệt độ, nước, độ ẩm, ánh sáng.

C. nhiệt độ, nước, khí áp, ánh sáng.

D. nhiệt độ, không khí, độ ẩm, ánh sáng.

Câu 14. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của sinh vật là

A. khí hậu, đất, địa hình, sinh vật, động vật.

B. khí hậu, thủy quyển, đất, con người, địa hình.

C. khí hậu, đất, địa hình, sinh vật, con người.

D. khí hậu, đất, độ cao, sinh vật, con người.

Câu 15. Loài cây ưa lạnh chỉ phân bố ở

A. các vùng ôn đới và các vùng đồng bằng.

B. các vĩ độ thấp và các vùng ôn đới.

C. các vĩ độ cao và các vùng núi cao.

D. các vùng quanh cực Bắc và Nam.

Câu 16. Động, thực vật ở vùng cực nghèo nàn là do

A. Quá lạnh.

B. Thiếu ánh sáng.

C. Độ ẩm cao.

D. Mưa ít.

Câu 17. Điều kiện nhiệt, ẩm và nước ở các vùng nào là những môi trường thuận lợi để sinh vật phát triển?

A. Nhiệt đới ẩm, cận nhiệt lục địa, ôn đới lạnh, hoang mạc.

B. Xích đạo, nhiệt đới ẩm, cận nhiệt lục địa, ôn đới lạnh ẩm.

C. Nhiệt đới, cận nhiệt ẩm, ôn đới lục địa, cực và gần cực.

D. Xích đạo, nhiệt đới ẩm, cận nhiệt ẩm, ôn đới hải dương.

Câu 18. Nhân tố quyết định đến sự phân bố của các vành đai thực vật theo độ cao là

A. đất.

B. Nguồn nước.

C. khí hậu.

D. con người.

Câu 19. Nơi có khí hậu thuận lợi để sinh vật phát triển không phải là

A. vùng xích đạo.

B. vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.

C. vùng ôn đới hải dương.

D. vùng cận nhiệt lục địa.

Câu 20. Thực vật có ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố động vật chủ yếu do

A. Thực vật là nguồn cung cấp thức ăn cho nhiều loại đông vật.

B. Thực vật là noi trú ngụ cho nhiều loại đông vật.

C. Sự phát triển thực vật làm thay đổi môi trường sống của động vật.

D. Sự phát tán một số loài thực vật mang theo một số loài động vật.

Câu 21. Loại đất nào thích hợp với sự phát triển của các cây sú, vẹt, đước, bần, mắm?

A. Đất cát.

B. Đất phèn.

C. Đất mặn.

D. Đất feralit.

Câu 22. Loại đất thích hợp với sự phát triển của cây cà phê, cao su?

A. Đất phù sa.

B. Đất phèn.

C. Đất sét.

D. Đất feralit.

Câu 23. Trâu được nuôi nhiều ở miền Bắc nước ta là do

A. thời tiết lạnh.

B. nhiều núi.

C. nhu cầu của người dân cao.

D. có nhiều đồi núi.

Câu 24. Ý nào sau đây không đúng khi nói về vai trò của con người đối với sự phân bố sinh vật trên Trái Đất ?

A. Làm thu hẹp diện tích rừng làm tuyệt chủng nhiều loại động thực vật.

B. Lai tạo để cho ra nhiều giống mới làm đa dạng thêm giới sinh vật.

C. Di cư các loại cây trồng và vật nuôi làm thay đổi sự phân bố nguyên thủy.

D. Làm thay đổi khí hậu trên Trái Đất nên đã làm thay đổi sự phân bố sinh vật.

Câu 25. Ở nước ta, thành phố Sapa có thể phát triển các loại rau quả ôn đới (đào, mận, dâu tây, rau cao cấp), các loại hoa xứ lạnh. Đây là biểu hiện rõ nhất của sự phân bố thực vật theo

A. Độ cao địa hình.

B. Hướng sườn.

C. Đất.

D. Vĩ độ.

Câu 26. Ở nước ta, các loài cây sú, đước, vẹt phát triển và phân bố ở vùng đất

A. chua ngọt.

B. ngập mặn.

C. feralit đồi núi.

D. phù sa ngọt.